

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Bóng đá 2 – Nhóm 08
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2121170297	Nguyễn Văn An	15/06/2003	CCQ2117I	10	8	8	8.3	
2	2121170311	Nguyễn Tào Tuấn Anh	02/08/1999	CCQ2117I	0	0	0	0.0	Nghĩ
3	2121170334	Huỳnh Tấn Bão	20/09/2003	CCQ2117J	10	8	8	8.3	
4	2121170308	Phan Vũ Bằng	27/04/2003	CCQ2117I	6	8	8	7.7	
5	2121170339	Nguyễn Minh Cảnh	15/09/2003	CCQ2117J	10	8	8	8.3	
6	2121170296	Đặng Lê Hoài Châu	05/11/2003	CCQ2117I	8	8	8	8.0	
7	2121050077	Bùi Xuân Chiến	25/09/2003	CCQ2105A	7	8	8	7.8	
8	2121170287	Nguyễn Đức Chính	25/05/2003	CCQ2117I	6	8	8	7.7	
9	2121120432	Hồ Sỹ Chung	15/11/2002	CCQ2112M	0	0	0	0.0	Nghĩ
10	2121120509	Vũ Đình Chương	25/10/2003	CCQ2112O	10	8	8	8.3	
11	2120050107	Đào Văn Công	22/04/2001	CCQ2005D	0	0	0	0.0	Nghĩ
12	2120170710	Nguyễn Đức Cường	03/05/2002	CCQ2017L	10	7	7	7.5	
13	2121170285	Mai Xuân Danh	21/10/2003	CCQ2117I	8	7	7	7.2	
14	2121170667	Nguyễn Bảo Duy	27/08/2003	CCQ2117J	5	7	7	6.7	
15	2121170346	Nguyễn Duyên	10/10/2003	CCQ2117J	10	7	7	7.5	
16	2121050031	Nguyễn Văn Thành Đạt	17/07/2003	CCQ2105A	6	7	7	6.8	
17	2121120353	Nguyễn Xuân Đạt	27/05/2003	CCQ2120F	5	7	7	6.7	
18	2121170292	Phan Quốc Đoan	27/04/2003	CCQ2117I	0	0	0	0.0	Nghĩ
19	2121170289	Đặng Quốc Giáp	11/04/2003	CCQ2117I	0	0	0	0.0	Nghĩ

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
20	2121170309	Nguyễn Thanh	Hải	16/07/2003	CCQ2117I	9	7	7	7.3	
21	2121120516	Phùng Tấn	Hậu	26/05/2003	CCQ2112O	8	7	7.5	7.5	
22	2121170300	Dương Bá Phúc	Huy	07/12/2002	CCQ2117I	10	7	7.5	7.8	
23	2121170306	Lê Minh	Hữu	01/05/2003	CCQ2117I	5	7	7.5	7.0	
24	2121120518	Vũ Mạnh	Khải	01/08/2003	CCQ2112O	9	7	7.5	7.7	
25	2121120535	Nguyễn Nhựt	Khang	28/10/2003	CCQ2112P	5	7	7.5	7.0	
26	2121170332	Châu Nguyễn Quốc	Khánh	01/01/2003	CCQ2117J	5	7	7.5	7.0	
27	2121170310	Huỳnh Duy	Khánh	06/03/2003	CCQ2117I	5	7	7.5	7.0	
28	2121170347	Nguyễn Trọng	Khiêm	23/03/2003	CCQ2117J	0	0	0	0.0	Nghĩ
29	2120170330	Nguyễn Văn	Khoa	05/11/2002	CCQ2005D	5	7	7.5	7.0	
30	2121170321	Đỗ Tấn	Kiệt	05/04/2003	CCQ2117J	10	9	9	9.2	
31	2121170328	Phan Tuấn	Kiệt	09/07/2003	CCQ2117J	10	7	7.5	7.8	
32	2121170319	Ngô Đình	Kính	30/05/2003	CCQ2117J	10	9	9	9.2	
33	2121170329	Ha Sa	Ky	14/09/2003	CCQ2117J	5	9	9	8.3	
34	2121170303	Huỳnh Nhựt	Lâm	15/12/2003	CCQ2117I	8	9	8	8.2	
35	2121170290	Nguyễn Việt	Lâm	26/02/2003	CCQ2117I	7	9	9	8.7	
36	2121170312	Thân Cảnh	Long	29/10/2003	CCQ2117I	5	9	9	8.3	
37	2121170349	Lê Thành	Lộc	07/12/2003	CCQ2117J	8	9	9	8.8	
38	2121170344	Nguyễn Phúc	Lộc	04/08/2003	CCQ2117J	9	9	9	9.0	
39	2121170345	Nguyễn Minh	Luân	13/11/2003	CCQ2117J	10	9	9	9.2	
40	2121170320	Đào Văn	Minh	24/09/2003	CCQ2117J	0	0	0	0.0	Nghĩ
41	2121050040	Nguyễn Trường Đình	Nguyên	20/04/2003	CCQ2105B	6	9	8.5	8.2	
42	2121170338	Trần Đức	Nhất	04/08/2003	CCQ2117J	5	9	8.5	8.0	
43	2121170307	Lê Hoàng	Phúc	14/04/2003	CCQ2117I	0	0	0	0.0	Nghĩ
44	2121170302	Trần Hoài	Phương	28/08/2003	CCQ2117I	5	9	8.5	8.0	
45	2121170341	Trần Văn	Phương	15/08/2002	CCQ2117J	7	9	8.5	8.3	
46	2121180062	Đoàn Nguyễn Minh	Quyền	28/05/2003	CCQ2118B	5	9	8.5	8.0	
47	2121120553	Trần Tuấn	Sang	24/04/2003	CCQ2112P	7	9	8.5	8.3	
48	2121170335	Đặng Ngọc	Sáng	03/02/2003	CCQ2117J	10	9	8.5	8.8	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
49	2121030121	Nguyễn Văn Sơn	16/11/2003	CCQ2103D	5	9	8.5	8.0	
50	2121170286	Phan Thành Sơn	30/03/2002	CCQ2117I	8	9	8.5	8.5	
51	2121170668	Nguyễn Minh Tân	07/07/2003	CCQ2117J	0	0	0	0.0	Nghĩ
52	2121170293	Đàm Văn Thái	15/12/2002	CCQ2117I	0	0	0	0.0	Nghĩ
53	2121120453	Nguyễn Trần Thắng	20/01/2003	CCQ2112M	6	7	6.5	6.5	
54	2121170301	Trần Văn Thật	29/10/2003	CCQ2117I	5	7	6.5	6.3	
55	2121170671	Phan Trọng Thiện	27/10/1998	CCQ2117M	5	7	6.5	6.3	
56	2121170672	Nguyễn Hữu Thịnh	21/06/2002	CCQ2117I	8	7	6.5	6.8	
57	2121170284	Nguyễn Phú Thịnh	29/08/2002	CCQ2117I	8	7	6.5	6.8	
58	2120170304	Nguyễn Minh Thông	21/05/2001	CCQ2017I	5	7	6.5	6.3	
59	2121170323	Bạch Hoài Thương	10/07/2003	CCQ2117J	8	7	6.5	6.8	
60	2121120544	Lâm Đức Tiến	22/06/2003	CCQ2112P	10	8	7.5	8.0	
61	2121050015	Nguyễn Minh Tiến	18/06/2003	CCQ2105A	6	7	6.5	6.5	
62	2121170343	Nguyễn Đức Trọng	03/03/2003	CCQ2117J	6	8	7.5	7.3	
63	2121170313	Phạm Văn Trung	04/11/2003	CCQ2117I	10	8	7.5	8.0	
64	2121170665	Nông Văn Trường	13/09/2002	CCQ2117I	10	8	7.5	8.0	
65	2121170291	Trần Mạnh Trường	20/10/2003	CCQ2117I	8	8	7.5	7.7	
66	2121170304	Võ Duy Trường	22/01/2003	CCQ2117I	6	8	7.5	7.3	
67	2121170315	Võ Hoàng Tuấn	22/06/2003	CCQ2117I	10	8	7.5	8.0	
68	2120170421	Nguyễn Thanh Tự	21/09/2002	CCQ2017L	5	8	7.5	7.2	
69	2121170330	Nguyễn Việt Ty	23/02/2003	CCQ2117J	0	0	0	0.0	Nghĩ

TP. HCM, Ngày 5 tháng 11 năm 2022

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
-----	-----------	-----------	-----------	---------	------	------	------	-------------------	---------

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Bóng đá 2 – Nhóm 08
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2121170297	Nguyễn Văn An	15/06/2003	CCQ2117I	8.3	4	5.7	
2	2121170311	Nguyễn Tào Tuấn	02/08/1999	CCQ2117I	0.0	0	0.0	Nghĩ
3	2121170334	Huỳnh Tấn Bão	20/09/2003	CCQ2117J	8.3	8	8.1	
4	2121170308	Phan Vũ Bằng	27/04/2003	CCQ2117I	7.7	7	7.3	
5	2121170339	Nguyễn Minh Cảnh	15/09/2003	CCQ2117J	8.3	5	6.3	
6	2121170296	Đặng Lê Hoài Châu	05/11/2003	CCQ2117I	8.0	8	8.0	
7	2121050077	Bùi Xuân Chiến	25/09/2003	CCQ2105A	7.8	6	6.7	
8	2121170287	Nguyễn Đức Chinh	25/05/2003	CCQ2117I	7.7	10	9.1	
9	2121120432	Hồ Sỹ Chung	15/11/2002	CCQ2112M	0.0	0	0.0	Nghĩ
10	2121120509	Vũ Đình Chương	25/10/2003	CCQ2112O	8.3	6	6.9	
11	2120050107	Đào Văn Công	22/04/2001	CCQ2005D	0.0	0	0.0	Nghĩ
12	2120170710	Nguyễn Đức Cường	03/05/2002	CCQ2017L	7.5	7	7.2	
13	2121170285	Mai Xuân Danh	21/10/2003	CCQ2117I	7.2	6	6.5	
14	2121170667	Nguyễn Bảo Duy	27/08/2003	CCQ2117J	6.7	6	6.3	
15	2121170346	Nguyễn Duyệt	10/10/2003	CCQ2117J	7.5	9	8.4	
16	2121050031	Nguyễn Văn Thành Đạt	17/07/2003	CCQ2105A	6.8	8	7.5	
17	2121120353	Nguyễn Xuân Đạt	27/05/2003	CCQ2120F	6.7	5	5.7	
18	2121170292	Phan Quốc Đoan	27/04/2003	CCQ2117I	0.0	0	0.0	Nghĩ
19	2121170289	Đặng Quốc Giáp	11/04/2003	CCQ2117I	0.0	0	0.0	Nghĩ
20	2121170309	Nguyễn Thanh Hải	16/07/2003	CCQ2117I	7.3	5	5.9	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
21	2121120516	Phùng Tấn Hậu	26/05/2003	CCQ2112O	7.5	5	6.0	
22	2121170300	Dương Bá Phúc	07/12/2002	CCQ2117I	7.8	4	5.5	
23	2121170306	Lê Minh Hữu	01/05/2003	CCQ2117I	7.0	8	7.6	
24	2121120518	Vũ Mạnh Khải	01/08/2003	CCQ2112O	7.7	8	7.9	
25	2121120535	Nguyễn Nhựt Khang	28/10/2003	CCQ2112P	7.0	5	5.8	
26	2121170332	Châu Nguyễn Quốc	01/01/2003	CCQ2117J	7.0	4	5.2	
27	2121170310	Huỳnh Duy Khánh	06/03/2003	CCQ2117I	7.0	7	7.0	
28	2121170347	Nguyễn Trọng Khiêm	23/03/2003	CCQ2117J	0.0	0	0.0	Nghĩ
29	2120170330	Nguyễn Văn Khoa	05/11/2002	CCQ2005D	7.0	5	5.8	
30	2121170321	Đỗ Tấn Kiệt	05/04/2003	CCQ2117J	9.2	6	7.3	
31	2121170328	Phan Tuấn Kiệt	09/07/2003	CCQ2117J	7.8	5	6.1	
32	2121170319	Ngô Đình Kính	30/05/2003	CCQ2117J	9.2	10	9.7	
33	2121170329	Ha Sa Ky	14/09/2003	CCQ2117J	8.3	6	6.9	
34	2121170303	Huỳnh Nhựt Lâm	15/12/2003	CCQ2117I	8.2	6	6.9	
35	2121170290	Nguyễn Việt Lâm	26/02/2003	CCQ2117I	8.7	6	7.1	
36	2121170312	Thân Cảnh Long	29/10/2003	CCQ2117I	8.3	6	6.9	
37	2121170349	Lê Thành Lộc	07/12/2003	CCQ2117J	8.8	5	6.5	
38	2121170344	Nguyễn Phúc Lộc	04/08/2003	CCQ2117J	9.0	6	7.2	
39	2121170345	Nguyễn Minh Luân	13/11/2003	CCQ2117J	9.2	6	7.3	
40	2121170320	Đào Văn Minh	24/09/2003	CCQ2117J	0.0	0	0.0	Nghĩ
41	2121050040	Nguyễn Trường Đình Nguyên	20/04/2003	CCQ2105B	8.2	3	5.1	
42	2121170338	Trần Đức Nhất	04/08/2003	CCQ2117J	8.0	5	6.2	
43	2121170307	Lê Hoàng Phúc	14/04/2003	CCQ2117I	0.0	0	0.0	Nghĩ
44	2121170302	Trần Hoài Phương	28/08/2003	CCQ2117I	8.0	6	6.8	
45	2121170341	Trần Văn Phương	15/08/2002	CCQ2117J	8.3	9	8.7	
46	2121180062	Đoàn Nguyễn Minh Quyền	28/05/2003	CCQ2118B	8.0	3	5.0	
47	2121120553	Trần Tuấn Sang	24/04/2003	CCQ2112P	8.3	7	7.5	
48	2121170335	Đặng Ngọc Sáng	03/02/2003	CCQ2117J	8.8	7	7.7	
49	2121030121	Nguyễn Văn Sơn	16/11/2003	CCQ2103D	8.0	4	5.6	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
50	2121170286	Phan Thành Sơn	30/03/2002	CCQ2117I	8.5	4	5.8	
51	2121170668	Nguyễn Minh Tân	07/07/2003	CCQ2117J	0.0	0	0.0	Nghĩ
52	2121170293	Đàm Văn Thái	15/12/2002	CCQ2117I	0.0	0	0.0	Nghĩ
53	2121120453	Nguyễn Trần Thắng	20/01/2003	CCQ2112M	6.5	8	7.4	
54	2121170301	Trần Văn Thập	29/10/2003	CCQ2117I	6.3	6	6.1	
55	2121170671	Phan Trọng Thiện	27/10/1998	CCQ2117M	6.3	0	2.5	Vắng thi
56	2121170672	Nguyễn Hữu Thịnh	21/06/2002	CCQ2117I	6.8	4	5.1	
57	2121170284	Nguyễn Phú Thịnh	29/08/2002	CCQ2117I	6.8	4	5.1	
58	2120170304	Nguyễn Minh Thông	21/05/2001	CCQ2017I	6.3	5	5.5	
59	2121170323	Bạch Hoài Thương	10/07/2003	CCQ2117J	6.8	6	6.3	
60	2121120544	Lâm Đức Tiến	22/06/2003	CCQ2112P	8.0	6	6.8	
61	2121050015	Nguyễn Minh Tiến	18/06/2003	CCQ2105A	6.5	5	5.6	
62	2121170343	Nguyễn Đức Trọng	03/03/2003	CCQ2117J	7.3	5	5.9	
63	2121170313	Phạm Văn Trung	04/11/2003	CCQ2117I	8.0	3	5.0	
64	2121170665	Nông Văn Trường	13/09/2002	CCQ2117I	8.0	5	6.2	
65	2121170291	Trần Mạnh Trường	20/10/2003	CCQ2117I	7.7	6	6.7	
66	2121170304	Võ Duy Trường	22/01/2003	CCQ2117I	7.3	6	6.5	
67	2121170315	Võ Hoàng Tuấn	22/06/2003	CCQ2117I	8.0	8	8.0	
68	2120170421	Nguyễn Thanh Tụ	21/09/2002	CCQ2017L	7.2	7	7.1	
69	2121170330	Nguyễn Việt Ty	23/02/2003	CCQ2117J	0.0	0	0.0	Nghĩ

TP. HCM, Ngày 5 tháng 11 năm 2022

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
-----	-----------	-----------	-----------	---------	-------------------	----------	------------------	---------